

ĐÁNH GIÁ BỀN VỮNG VĂN HÓA TỘC NGƯỜI TRONG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở KHU VỰC HỒ THỦY ĐIỆN HOÀ BÌNH

HOÀNG THỊ THU HƯƠNG,
NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

Tóm tắt: Bài báo sử dụng các phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp đánh giá bền vững văn hóa với 21 tiêu chí chia thành 5 nhóm (Chấp nhận đa dạng văn hoá; Giữ gìn ngôn ngữ tộc người; Giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người; Ý thức tự giác tộc người; Sự đóng góp của văn hóa cho phát triển kinh tế - xã hội) để đánh giá mức độ bền vững của văn hóa tộc người trong hoạt động du lịch cộng đồng (DLCĐ) khu vực hồ thủy điện Hoà Bình. Kết quả cho thấy, ý thức tộc người đạt mức bền vững (8,46 điểm). Các nhóm tiêu chí còn lại được đánh giá ở mức có khả năng bền vững với điểm số từ 6,21-7,32. Điều đó chứng tỏ DLCĐ là một công cụ hiệu quả cho bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, vẫn có 4 tiêu chí trong nhóm “giữ gìn bản sắc văn hoá tộc người” bị xếp vào mức có khả năng không bền vững. Dựa trên kết quả đánh giá, nghiên cứu đã đề xuất qui trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tộc người trong hoạt động DLCĐ một cách bền vững.

Từ khóa: văn hóa tộc người, du lịch cộng đồng, hồ Hoà Bình

ASSESSMENT OF THE SUSTAINABLE ETHNIC CULTURE IN COMMUNITY-BASED TOURISM IN HOA BINH RESERVOIR AREA

Abstract: This study aims to assess the sustainability of ethnic culture in community-based tourism (CBT), applied sociological investigation and cultural sustainability assessment methods with 21 criteria, divided into 5 groups (Accepting cultural diversity; Preserving ethnic languages; Preserving ethnic cultural identity; Ethnic self-consciousness; The contribution of culture) to socio-economic development. The results show that the criterion of "Ethnic self-consciousness" reaches a sustainable level (8.46 points). The remaining 4 criteria are assessed at potentially sustainable level with a score from 6.21 to 7.32. This proves that CBT is an effective tool for preserving and promoting traditional cultural values. However, there are still 4 criteria in the group of “preserving ethnic cultural identity” are classified as potentially unsustainable. Based on the evaluation results, this study has proposed a process to preserve and promote ethnic cultural values in CBT activities in a sustainable way.

Keywords: ethnic culture, community-based tourism (CBT), Hoa Binh reservoir

1. Đặt vấn đề

Hồ thủy điện Hoà Bình có chiều dài 70 km, ngoài cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, hồ Hoà Bình còn là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người như Mường, Thái, Tày, Dao, H'Mông. Mỗi dân tộc có nét văn hóa riêng, thể hiện qua ngôn ngữ, văn hoá và tự giác tộc người [5]. Đây

là nguồn tài nguyên du lịch văn hóa đặc sắc cho phát triển DLCĐ.

DLCĐ ở đây mạnh mẽ phát triển từ những năm 80 của thế kỷ XX trong quá trình xây dựng thủy điện Hoà Bình và đến nay đã khá phổ biến ở khu vực này với 7 điểm du lịch cộng đồng [6]. Lượng du khách đến các bản DLCĐ ở khu

vực hồ Hòa Bình tăng mạnh từ 30.947 lượt khách năm 2018 lên 40.118 lượt năm 2019, tăng 29,6% [7]. Đặc biệt lượng khách quốc tế đến các bản DLCĐ tăng mạnh với 4,4 lần trong giai đoạn 2015 - 2019 [2].

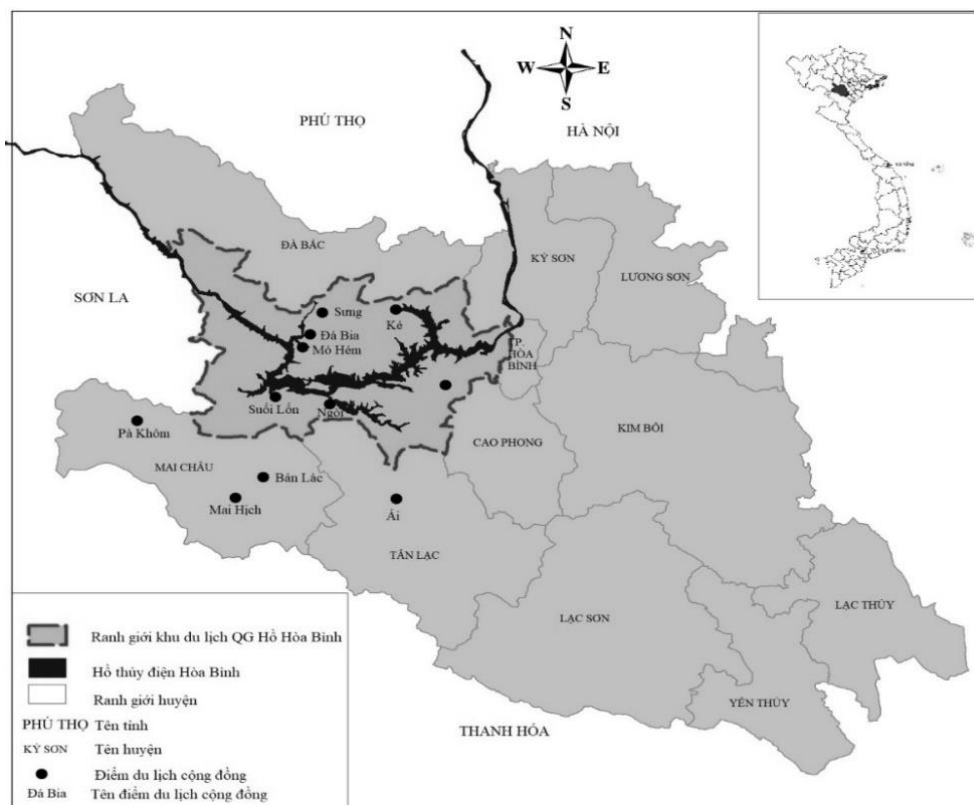
Hiện nay du lịch cộng đồng đã trở thành nguồn sinh kế mới của người dân vùng lòng hồ, trong đó thu nhập từ hộ kinh doanh homestay chiếm tới 50 - 60% tổng thu nhập của gia đình [7]. Tuy nhiên văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc nơi đây đang đứng trước những nguy cơ mai một, biến đổi do sự phát triển mạnh mẽ của DLCĐ. Vì vậy, cần thiết phải đánh giá mức độ bền vững của văn hóa tộc người trong hoạt động DLCĐ ở khu vực hồ thủy điện Hòa Bình làm cơ sở đề xuất giải pháp khai thác cho phát triển bền vững.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở dữ liệu và phạm vi nghiên cứu

Dữ liệu nghiên cứu: ngoài dữ liệu sơ cấp thu thập được từ điều tra xã hội học 80 hộ gia đình và 100 khách du lịch, nghiên cứu còn dựa trên các dữ liệu thứ cấp như: Quy hoạch tổng thể khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình đến năm 2030; các thống kê tình hình kinh tế xã hội, hiện trạng phát triển du lịch cấp huyện và cấp tỉnh Hòa Bình.

Khu vực nghiên cứu được giới hạn trong phạm vi khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình (theo Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2030) [4]. Tiến hành điều tra tại các bản trọng điểm phát triển du lịch cộng đồng như: bản Ngòi (xã Ngòi Hoa, huyện Tân Lạc), bản Mỗ (xã Bình Thanh, huyện Cao Phong), bản Đá Bia (xã Tiên Phong, huyện Đà Bắc), bản Sung (xã Cao Sơn, huyện Đà Bắc) (Hình 1).



Hình 1. Sơ đồ phạm vi không gian nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung đánh giá mức độ bền vững của văn hóa tộc người trong hoạt động du lịch cộng đồng ở khu vực hồ thủy điện Hòa Bình. Đối tượng nghiên cứu là văn hóa tộc người trong hoạt động du lịch cộng đồng ở khu vực hồ Hòa Bình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp điều tra xã hội học

Khảo sát bằng bảng hỏi được thực hiện đối với dân cư địa phương và khách du lịch. Bảng hỏi gồm 40 câu hỏi với các nội dung cơ bản: 1) Nhu cầu, mong muốn và thực tế tham gia vào hoạt động DLCĐ; 2) Tác động của du lịch đối với cộng đồng địa phương; 3) Tác động của du lịch đối với văn hoá; 4) Năng lực của cộng đồng tham gia hoạt động du lịch; 5) Tính bền vững của văn hóa tộc người trong hoạt động du lịch.

Bảng khảo sát khách du lịch bao gồm 19 câu hỏi nhằm tìm hiểu mục đích du lịch, đánh giá nhận xét của du khách về điểm du lịch, sản phẩm và dịch vụ du lịch ở khu vực hồ Hoà Bình.

Tiến hành phỏng vấn 100 du khách và 80 hộ (chiếm 25% tổng số hộ) tại các bản DLCĐ. Trong đó, 51 hộ gia đình dân tộc Mường, 18 hộ dân tộc Dao Tiền và 11 hộ dân tộc Mường Ao Tá. Thời gian thực hiện 2018 - 2020.

- Phương pháp đánh giá bền vững văn hóa

Dựa trên tham khảo các chỉ báo về phát triển văn hóa bền vững của Harry Sparling (1996) [3], bài báo đề xuất 21 tiêu chí được chia thành 5 nhóm để đánh giá mức độ bền vững văn hoá tộc người (Bảng 1). Mỗi tiêu chí được cho điểm từ 0 - 10 theo thang đo Likert 5 .

Bảng 1. Thang điểm đánh giá mức độ bền vững văn hoá tộc người trong DLCĐ [3]

TT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí đánh giá	Mức 1 0 điểm	Mức 2 2,5 điểm	Mức 3 5,0 điểm	Mức 4 7,5 điểm	Mức 5 10 điểm
1	Chấp nhận đa dạng văn hóa	1) Thái độ của cộng đồng với khác biệt văn hóa của du khách	Coi thường	Không quan tâm	Bình thường	Tôn trọng	Rất trân trọng
		2) Học hỏi từ du khách	Hoàn toàn không muốn học	Không muốn học	Phân vân	Sẵn sàng	Rất sẵn sàng
2	Giữ gìn ngôn ngữ tộc người	3) Sử dụng ngôn ngữ tộc người trong giao tiếp với vợ/chồng, con/cháu, bố/mẹ, anh/chị/em, bạn bè, làng xóm 4) Sử dụng ngôn ngữ tộc người trong khi cúng tế tổ tiên	Hoàn toàn không sử dụng	Không sử dụng	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
3	Giữ gìn bản sắc văn hóa	5) Sử dụng trang phục truyền thống trong đời sống 6) Sử dụng kiến trúc nhà ở truyền thống 7) Sử dụng món ăn và nghi thức ăn uống truyền thống trong đời sống. 8) Lưu giữ các làn điệu dân ca, múa tiêu biểu của tộc người 9) Lưu giữ và sử dụng trò chơi dân gian trong đời sống 10) Phổ biến truyện thơ dân gian trong đời sống	Hoàn toàn không sử dụng	Không sử dụng	Thỉnh thoảng	Phổ biến	Rất phổ biến

		11) Duy trì hạt nhân hợp lý và tốt đẹp của nghi lễ tâm linh tín ngưỡng 12) Duy trì lễ hội truyền thống 13) Duy trì hạt nhân hợp lý và tốt đẹp của lễ hội truyền thống					
		14) Giữ gìn đặc điểm truyền thống của trang phục 15) Giữ gìn đặc điểm ngôi nhà truyền thống 16) Giữ gìn đặc điểm món ăn truyền thống	Hoàn toàn biến đổi	Biến đổi phần lớn	Biến đổi ít	Biến đổi rất ít	Giữ nguyên
4	Ý thức tự giác tộc người	17) Nhớ tên tộc người	Hoàn toàn không biết	Không biết	Phân vân	Biết	Biết rất rõ
		18) Thái độ đối với tộc người	Vô cùng tự ti, xấu hổ	Tự ti	Bình thường	Tự hào	Vô cùng tự hào
5	Văn hóa góp phần phát triển KT-XH	19) Tạo quỹ phát triển cộng đồng 20) Tăng thu nhập cho người dân 21) Tăng lòng tự hào về văn hoá và cộng đồng, từ đó phát huy tinh thần tự quản, đoàn kết trong cộng đồng	Hoàn toàn không biết	Không biết	Phân vân	Biết	Biết rất rõ

Sau khi điều tra, tính điểm cho từng tiêu chí dựa trên ý kiến của từng người được hỏi, tiến hành tính điểm trung bình cho từng tiêu chí và điểm trung bình cho từng nhóm tiêu chí.

Kết quả đánh giá mức độ bền vững theo tiêu chí và nhóm tiêu chí được phân hạng theo nguyên tắc như sau:

- $0 \leq A \leq 2$ (điểm): nguy cơ biến mất;
- $2 < A \leq 4$ (điểm): không bền vững;
- $4 < A \leq 6$ (điểm): có khả năng không bền vững;
- $6 < A \leq 8$ (điểm): có khả năng bền vững;
- $8 < A \leq 10$ (điểm): bền vững.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả đánh giá mức độ bền vững văn hóa tộc người trong hoạt động DLCD

(1) *Đánh giá mức độ chấp nhận đa dạng văn hoá*

Chấp nhận đa dạng văn hóa là một chỉ báo quan trọng cho phát triển bền vững về văn hóa trong môi trường đa tộc người mà du lịch là một trường hợp [5]. Sự thân thiện, không thành kiến

với người khác tộc là biểu hiện đầu tiên của chấp nhận đa dạng văn hoá.

Theo kết quả điều tra, 95% người dân địa phương tôn trọng sự khác biệt văn hóa của khách du lịch và có thái độ thân thiện với khách bất kể tộc người, quốc tịch. Chỉ có khoảng 5% người được hỏi có thái độ “bình thường”. Điểm đánh giá trung bình cho tiêu chí “thân thiện, không thành kiến với người khác tộc” là 7,37 - đạt mức có khả năng bền vững.

Tiêu chí quan trọng thứ hai là việc học hỏi, chia sẻ văn hóa giữa các tộc người địa phương với khách du lịch. Có 57,5% người dân được hỏi sẵn sàng học hỏi từ khách du lịch (như cách thức giao tiếp, ứng dụng công nghệ thông tin). Tuy nhiên, 22,5% người dân địa phương còn phân vân, 15% không muốn học và 5% hoàn toàn không muốn học. Điểm đánh giá trung bình cho tiêu chí “học hỏi, chia sẻ văn hóa giữa các tộc người địa phương với khách du lịch” là 5,9 - mức có khả năng không bền vững.

Như vậy, điểm trung bình cho nhóm tiêu chí chấp nhận đa dạng văn hóa là 6,65 - mức có khả năng bền vững.

(2) *Đánh giá mức độ giữ gìn ngôn ngữ tộc người*

Giữ gìn và chuyển tải văn hóa tộc người là một trong những vai trò quan trọng của ngôn ngữ. Các dân tộc ở khu vực hồ Hoà Bình vẫn

thường xuyên sử dụng ngôn ngữ nói của mình để giao tiếp với những người trong gia đình, những người đồng tộc và trong cúng bái; tiếng Việt và tiếng Anh được sử dụng trong giao tiếp với du khách.

Điểm trung bình nhóm tiêu chí giữ gìn ngôn ngữ tộc người đạt 7,3 - mức có khả năng bền vững (Bảng 2).

Bảng 2. Kết quả đánh giá bền vững văn hóa tộc người trong DLCĐ

STT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí	Điểm theo tiêu chí	Điểm trung bình nhóm tiêu chí	Phân hạng
1	Chấp nhận đa dạng văn hóa	Thái độ của cộng đồng với khác biệt về văn hóa của du khách	7,37	6,65	Có khả năng bền vững
		Học hỏi từ du khách	5,9		
2	Giữ gìn ngôn ngữ tộc người	Sử dụng ngôn ngữ của tộc người trong giao tiếp với vợ/chồng, con/cháu, bố/mẹ, anh/chị/em, bạn bè, làng xóm	7,25	7,32	Có khả năng bền vững
		Sử dụng ngôn ngữ tộc người trong khi cúng tế tổ tiên	7,5		
3	Giữ gìn bản sắc văn hóa	Sử dụng trang phục truyền thống trong đời sống	5	6,21	Có khả năng bền vững
		Giữ gìn đặc điểm truyền thống của trang phục	6,1		
		Sử dụng kiến trúc nhà ở truyền thống	6,4		
		Giữ gìn đặc điểm ngôi nhà truyền thống (Cấu trúc, màu sắc, mặt bằng sinh hoạt...)	5,8		
		Sử dụng món ăn truyền thống và nghi thức ăn uống truyền thống trong đời sống	7,3		
		Giữ gìn đặc điểm món ăn truyền thống (hương vị, phương pháp chế biến...)	7,1		
		Lưu giữ được các làn điệu dân ca, múa tiêu biểu của tộc người	6,1		
		Lưu giữ và sử dụng trò chơi dân gian trong đời sống	4,4		
		Phổ biến chuyện thơ dân gian trong đời sống	4,1		
		Duy trì hạt nhân hợp lý và tốt đẹp của nghi lễ tâm linh tín ngưỡng truyền thống	7,4		
		Duy trì lễ hội truyền thống	6,5		
Duy trì hạt nhân hợp lý và tốt đẹp của lễ hội truyền thống	7,6				
4	Ý thức tự giác tộc người	Nhớ tên tộc người của mình	9,6	8,46	Bền vững
		Thái độ đối với tộc người	7,3		

5	Văn hóa góp phần phát triển KT-XH	Tạo nguồn quỹ để phát triển cộng đồng	7,6	6,68	Có khả năng bền vững
		Tăng thêm thu nhập cho người dân	6,1		
		Tăng lòng tự hào về văn hóa và cộng đồng, từ đó phát huy tinh thần tự quản, đoàn kết trong cộng đồng	6,7		

Nguồn: Kết quả điều tra xã hội học

(3) Đánh giá mức độ giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người

Bản sắc văn hóa của mỗi tộc người thể hiện qua nhiều thành tố văn hoá. Trong nghiên cứu này chỉ tập trung đánh giá sự bền vững của văn hóa tộc người thông qua trang phục, kiến trúc nhà ở, ẩm thực, văn học nghệ thuật và tín ngưỡng truyền thống.

Trang phục truyền thống: theo kết quả điều tra, phần lớn (72,5%) người già vẫn còn giữ và sử dụng trang phục truyền thống tộc người. Nhưng chỉ có 12,5% người trung niên và 10% thanh niên còn giữ và sử dụng trang phục truyền thống hàng ngày. Từ khi có hoạt động du lịch, người dân được khuyến khích mặc trang phục truyền thống, nhất là khi đón tiếp khách. Điều đó khiến tỉ lệ người trẻ và trung niên giữ và mặc trang phục truyền thống tăng dần lên. Tuy nhiên, chính nhu cầu thương mại hoá trang phục truyền thống (cho thuê, bán) đã khiến trang phục bị cắt giảm chi tiết và sử dụng các nguyên liệu mới để may mặc nhằm làm giảm giá thành cho phù hợp với nhu cầu của đa số du khách.

Kết quả đánh giá cho thấy, tiêu chí giữ gìn đặc điểm truyền thống của trang phục đạt 6,1 điểm - mức có khả năng bền vững. Điểm trung bình của bảo tồn trang phục truyền thống là 5,55 - mức có khả năng không bền vững.

Nhà ở truyền thống: hiện nay, đa phần nhà ở các bản vẫn theo kiểu kiến trúc truyền thống; 85% người dân ở các bản được hỏi mong muốn sống ở kiểu nhà truyền thống nhưng chỉ có 15% nêu được chi tiết đặc điểm ngôi nhà, còn lại 85% chỉ mô tả được một cách sơ sài.

Tiêu chí sử dụng nhà ở truyền thống đạt 6,4 - mức có khả năng bền vững. Tiêu chí giữ gìn đặc điểm ngôi nhà truyền thống đạt 5,8 - mức có khả năng không bền vững. Điểm trung bình của bảo tồn nhà ở truyền thống là 6,1 - mức có khả năng bền vững.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, du lịch cũng đóng góp một phần đáng kể trong việc bảo tồn kiểu dáng kiến trúc nhà ở truyền thống. Nhưng điều này sẽ có hiệu quả cao hơn nếu người dân thực sự hiểu được giá trị và ý nghĩa văn hoá, thực tiễn của từng chi tiết kiến trúc cũng như được hướng dẫn để nhận diện và lựa chọn những giá trị văn hóa hợp lý để bảo tồn và phát huy.

Văn hóa ẩm thực truyền thống: điểm đánh giá cho tiêu chí sử dụng món ăn truyền thống và nghi thức ăn uống truyền thống trong đời sống đạt 7,3 điểm - mức có khả năng bền vững. Điểm cho tiêu chí giữ gìn đặc điểm món ăn truyền thống là 7,1 - mức có khả năng bền vững.

Văn học nghệ thuật truyền thống và trò chơi dân gian: điểm đánh giá cho tiêu chí phổ biến truyện thơ dân gian trong đời sống chỉ đạt 4,1 - mức có khả năng không bền vững. Tiêu chí lưu giữ và sử dụng trò chơi dân gian trong đời sống đạt 4,4 - mức có khả năng không bền vững.

Về tín ngưỡng, tôn giáo: sự cố gắng của các công ty du lịch và cộng đồng trong việc sân khấu hoá hoạt động tâm linh, tín ngưỡng (Mo Mường hay các nghi lễ vòng đời của người Dao...) để xây dựng sản phẩm du lịch chưa thành công vì vấp phải sự dè dặt và phản ứng tiêu cực của cư dân địa phương. Điểm cho tiêu chí duy trì hạt nhân hợp lý và tốt đẹp của nghi lễ tâm linh tín

ngưỡng truyền thống vẫn đạt 7,4 điểm, được đánh giá ở mức có khả năng bền vững.

(4) Đánh giá ý thức tự giác tộc người

Theo kết quả điều tra, 100% người dân biết rõ danh xưng tộc người mình; 87,5% cho rằng họ vẫn dựa vào ngôn ngữ để nhận diện tộc người, chỉ có 22,5% kết hợp thêm trang phục để nhận diện tộc người. 87,5% người được hỏi đều cảm thấy tự hào khi giới thiệu danh xưng tộc người với những người khác tộc; 5% cảm thấy vô cùng tự hào; 7,5% cảm thấy bình thường và chỉ có 2,5% cảm thấy ngại và tự ti.

Điểm cho tiêu chí nhớ danh xưng (tên) tộc người là 9,6 - mức bền vững. Tiêu chí thái độ đối với tộc người đạt 7,3 - mức có khả năng bền vững. Điểm trung bình cho nhóm tiêu chí ý thức tộc người đạt cao nhất so với các tiêu chí khác, đạt 8,4 - mức bền vững. Như vậy vấn đề ý thức tộc người của các dân tộc vùng hồ Hoà Bình không có vấn đề gì đáng báo động.

(5) Đánh giá sự đóng góp của văn hóa vào phát triển kinh tế - xã hội

Chính các giá trị văn hóa độc đáo, khác biệt của các tộc người đã tạo nên những sản phẩm du

lịch đặc thù và thương hiệu riêng cho du lịch vùng hồ thủy điện Hoà Bình. Theo kết quả điều tra, 87,5% người được hỏi cho rằng sử dụng văn hóa trong kinh doanh du lịch góp phần tạo nguồn quỹ để phát triển cộng đồng; 62% cho rằng giúp tăng thêm thu nhập cho người dân và trên 60% cho rằng sử dụng văn hóa trong kinh doanh du lịch giúp tăng lòng tự hào về dân tộc, từ đó phát huy tinh thần tự quản, đoàn kết trong cộng đồng.

Tiêu chí tạo nguồn quỹ để phát triển cộng đồng đạt 7,6 - mức có khả năng bền vững. Tiêu chí tăng thêm thu nhập cho người dân đạt mức 6,1 - mức khả năng bền vững (nhưng tiệm cận với mức có khả năng không bền vững). Cuối cùng là tiêu chí tăng lòng tự hào về văn hóa đạt 6,7 - mức có khả năng bền vững.

Như vậy điểm trung bình cho nhóm tiêu chí văn hóa góp phần phát triển kinh tế xã hội đạt 6,7 - mức có khả năng bền vững.

3.2. So sánh mức độ bền vững văn hóa tộc người giữa các dân tộc

Kết quả đánh giá mức độ bền vững văn hóa tộc người trong hoạt động DLCĐ ở các dân tộc có những đặc điểm chung và riêng (Bảng 3).

Bảng 3. Kết quả đánh giá mức độ bền vững văn hóa tộc người theo các nhóm dân tộc

TT	Nhóm tiêu chí	Mường	Mường Ao Tá	Dao Tiền
1	Chấp nhận đa dạng văn hoá	6,34	7,50	6,56
2	Giữ gìn ngôn ngữ tộc người	7,30	7,33	7,43
3	Giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người	5,97	5,97	6,92
4	Ý thức tộc người	8,48	7,50	8,20
5	Văn hóa góp phần phát triển KT-XH	6,78	7,91	7,6

Nguồn: Kết quả điều tra xã hội học

Điểm chung là các dân tộc đều có ý thức tộc người khá cao, đa số ở mức bền vững. Ngược lại, tiêu chí giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người lại có điểm đánh giá thấp nhất so với các tiêu chí khác ở cả 3 tộc người. Các tiêu chí còn lại: chấp nhận đa dạng văn hoá; giữ gìn ngôn ngữ tộc người; văn hóa góp phần phát triển KT-XH đều

được đánh giá ở mức có khả năng bền vững ở cả 3 tộc người.

Kết quả này cho thấy, các dân tộc ở đây vẫn có ý thức mạnh mẽ về tộc người của mình. Điều này có vai trò quan trọng trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người. Tuy nhiên, việc giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người

trong hoạt động DLCĐ là điểm cần lưu ý. Thực tế cho thấy, DLCĐ ở các bản đã có những hiệu quả tích cực trong bảo tồn và phát huy văn hóa. Nhưng vẫn còn có những hạn chế trong lựa chọn nội dung, hình thức khai thác phù hợp để đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia và nhất là mục tiêu bảo tồn, phát huy văn hóa tộc người.

Bên cạnh những điểm chung vẫn có sự khác biệt giữa các dân tộc ở một số tiêu chí đánh giá:

Thứ nhất, ở tiêu chí “giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người”, dân tộc Mường và Mường Ao Tá được đánh giá ở mức có khả năng không bền vững, dân tộc Dao Tiền ở mức có khả năng bền vững;

Thứ hai, ở tiêu chí “văn hóa góp phần phát triển kinh tế xã hội”, dân tộc Mường thấp hơn 2 dân tộc còn lại.

Điều này có thể được lý giải do các hộ gia đình dân tộc Mường thường phụ thuộc vào việc cung ứng nguồn khách từ phía các công ty du lịch, chưa chủ động trong hoạt động du lịch. Đây là dấu hiệu tiềm tàng của phát triển không bền vững trong tương lai.

Như vậy, kết quả đánh giá mức độ bền vững văn hóa tộc người trong hoạt động DLCĐ ở khu vực hồ Hoà Bình cho thấy: trong 5 nhóm tiêu chí thì nhóm tiêu chí ý thức tộc người có điểm số cao nhất với 8,46 - mức độ bền vững; bốn nhóm tiêu chí còn lại có điểm số nằm trong khoảng từ 6,21 đến 7,32 - mức có khả năng bền vững (Bảng 2).

Thông qua đánh giá mức độ bền vững văn hóa tộc người trong hoạt động DLCĐ ở khu vực hồ Hoà Bình có thể nhận thấy nổi lên một số vấn đề sau:

(i) Đối với cộng đồng địa phương: vẫn còn sự rụt rè thiếu tự tin đối với năng lực làm du lịch và sự hiểu biết về các giá trị văn hóa tộc người;

(ii) Đối với doanh nghiệp vẫn còn sự lúng túng trong việc lựa chọn nội dung và hình thức phát triển DLCĐ gắn với bảo tồn, phát huy văn hóa tộc người;

(iii) Đối với văn hóa tộc người: đã có sự mai một của một số thành tố văn hóa do các yếu tố khách quan như di vén nhiều lần, khó khăn trong mưu sinh.

3.3. Đề xuất một số giải pháp bảo tồn, phát huy văn hoá tộc người trong phát triển DLCĐ

Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người trong phát triển DLCĐ cần xác định qui trình bảo tồn và vai trò của các bên tham gia. Bài báo đề xuất qui trình bảo tồn và vai trò của các bên tham gia như sau (Hình 2):

Bước 1: Kiểm kê, phân loại và đánh giá di sản văn hoá

Tổng điều tra, kiểm kê một cách chính xác trữ lượng các di sản văn hóa (DSVH) vật thể, phi vật thể ở từng thôn, xóm để từ đó xây dựng ngân hàng dữ liệu về văn hóa của địa phương. Đây là nền tảng cho công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá.

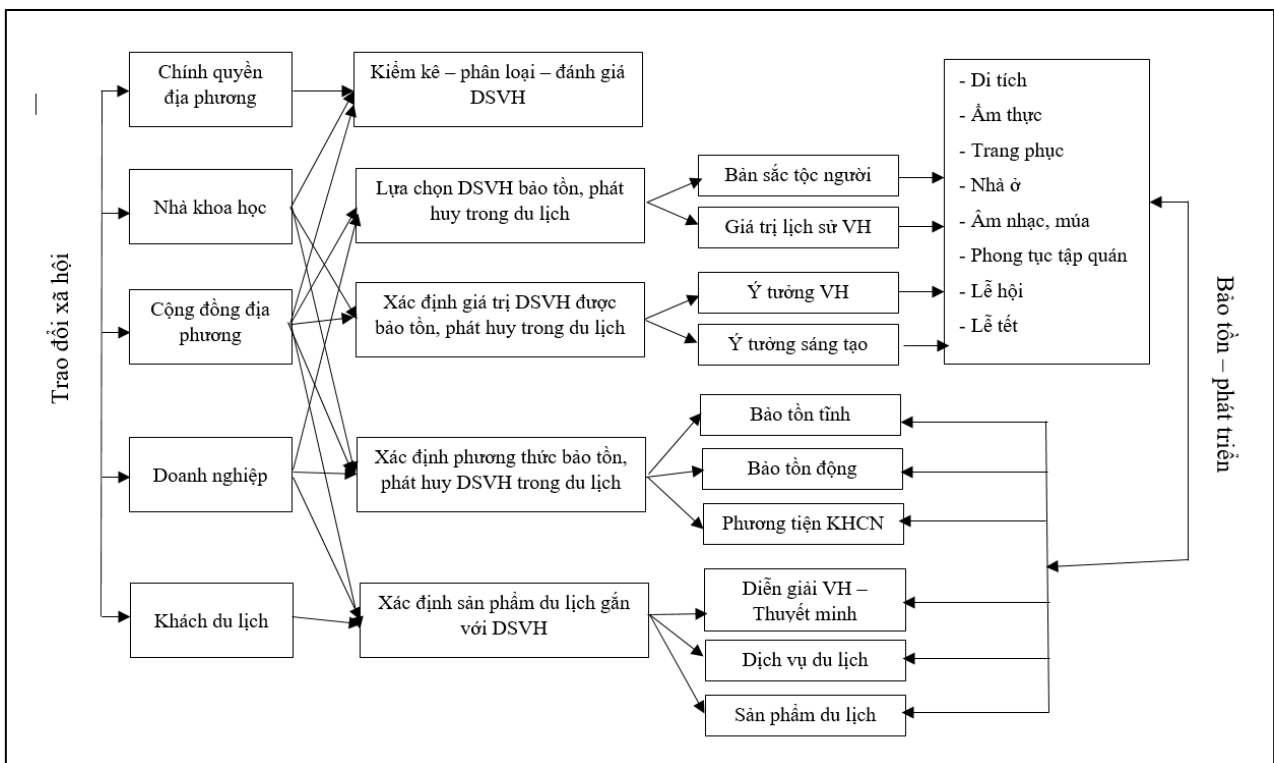
Bước 2: Lựa chọn di sản văn hóa để bảo tồn, phát huy trong du lịch

Lựa chọn những di sản văn hóa có khả năng xây dựng thành sản phẩm du lịch cũng như tạo ra sự lôi cuốn với du khách. Quá trình này cần tuân thủ nguyên tắc tôn trọng cộng đồng cũng như những đặc trưng văn hóa của họ với sự hài lòng, tăng tính trải nghiệm của du khách.

Bước 3: Xác định giá trị văn hóa cần bảo tồn, phát huy trong du lịch

Xác định giá trị văn hóa để bảo tồn cần gắn với hai tiêu chí: *thứ nhất*, giá trị mang đậm nét bản sắc dân tộc; *thứ hai*, giá trị mang tính lịch sử văn hoá, tức là gắn với sự phát triển của tộc người, phản ánh tính qui luật của sự phát triển.

Tóm lại, kết quả của bước này là xác định được “ý tưởng sáng tạo” và “ý tưởng văn hoá” có giá trị phù hợp với thực tiễn cuộc sống đương đại ẩn chứa trong di sản.



Hình 2. Quy trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tộc người trong hoạt động DLCD

Bước 4: Xác định phương thức bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa trong du lịch

Cần đặt di sản văn hóa được lựa chọn bảo tồn, phát huy trong mối quan hệ với phát triển du lịch để xác định phương thức bảo tồn tĩnh hay bảo tồn động. Tùy thuộc vào đặc điểm và tính chất của từng di sản mà xây dựng môi trường “thực hành văn hoá” cho cộng đồng trong du lịch.

Bước 5: Xây dựng sản phẩm du lịch

Thứ nhất, đối với mỗi loại di sản cần xây dựng nội dung diễn giải văn hóa làm tiền đề cho việc xây dựng bài thuyết minh, giới thiệu hoặc cách thức triển khai giới thiệu di sản văn hóa với du khách; *thứ hai*, thiết kế các dịch vụ dựa trên di sản và giá trị văn hóa cần bảo tồn, phát huy; *thứ ba*, thiết kế các sản phẩm lưu niệm, sản phẩm đặc sản mang dấu ấn văn hóa của di sản ấy. Trong quá trình đó cần: (1) Xác định công đoạn du khách có thể tham gia vào hoạt động du lịch tại điểm có di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể; (2) Xác

định công đoạn du khách có thể quan sát hoạt động văn hóa đang diễn ra tại điểm có di sản; (3) Xác định giá trị “vật chất” của di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể; (4) Xác định giá trị tinh thần của di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể; (5) Xác định vai trò, ý nghĩa thực tiễn của các di sản đối với nền văn hóa dân tộc; (6) Xác định những nội dung và hình thức cụ thể của di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được phép khai thác phục vụ du lịch [1].

4. Kết luận

Các giá trị văn hóa tộc người đã đóng góp đáng kể để tạo nên các sản phẩm du lịch độc đáo của khu vực hồ Hòa Bình. Du lịch đã tạo nên động cơ kinh tế và môi trường cho hoạt động thực hành văn hóa địa phương.

Nghiên cứu đã đánh giá mức độ bền vững văn hoá tộc người trong hoạt động DLCD trên các khía cạnh: chấp nhận đa dạng văn hóa, gìn giữ ngôn ngữ tộc người, giữ gìn bản sắc văn hóa tộc

người, ý thức tộc người và văn hóa góp phần phát triển kinh tế xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm tiêu chí ý thức tộc người đạt mức bền vững (8,46 điểm). Các tiêu chí còn lại được đánh giá ở mức có khả năng bền vững với điểm số từ 6,21-7,32: giữ gìn ngôn ngữ tộc người (7,32 điểm), văn hoá góp phần phát triển kinh tế xã hội (6,68 điểm), chấp nhận đa dạng văn hoá (6,65 điểm), giữ gìn bản sắc văn hoá tộc người (6,21 điểm). Điều đó chứng tỏ DLCĐ là một công cụ hiệu quả cho bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người.

Tuy nhiên, vẫn còn 4 tiêu chí thuộc nhóm “giữ gìn bản sắc văn hoá tộc người” được đánh giá ở mức có khả năng không bền vững là: sử

dụng trang phục truyền thống trong đời sống; giữ gìn đặc điểm ngôi nhà truyền thống; lưu giữ và sử dụng trò chơi dân gian trong đời sống; phổ biến chuyện thơ dân gian trong đời sống, có dấu hiệu cho thấy sự mai một và biến đổi của một số yếu tố văn hóa truyền thống trong cộng đồng. Ngoài ra, người dân vẫn còn rụt rè, thiếu tự tin đối với năng lực làm du lịch và sự hiểu biết về các giá trị văn hóa tộc người.

Để hướng tới phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người thì cần xác định rõ vai trò của các bên tham gia và xây dựng quy trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa trong hoạt động DLCĐ với 5 bước như đề cập ở phần trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thuý Anh (2014), *Giáo trình Du lịch văn hoá: những vấn đề lý luận và nghiệp vụ*, NXBGD Việt Nam, Hà Nội.
2. Công ty cổ phần DLCĐ Đà Bắc (2019), *Mô hình du lịch cộng đồng Đà Bắc: Báo cáo hoạt động năm 2019*.
3. Hary Spalling (2018), *Cultural Sustainable Development: Concepts and Principles*. Available from: <http://www.asa3org/ASA/PSCF/1996/PSCF12-96Spalling.html>
4. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Hòa Bình (2016), *Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2030*.
5. Vương Xuân Tình và Trần Hồng Hạnh (2012), *Phát triển bền vững văn hóa tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng văn hóa Đông Bắc*. NXB Khoa học xã hội.
6. Nguyễn Thị Hồng Vân (2019), *Du lịch cộng đồng vùng hồ Hòa Bình: quá trình hình thành, phát triển và mô hình tổ chức*. Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn, 4 (27): p.24-3.
7. Nguyễn Thị Hồng Vân (2021), *Phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy văn hóa tộc người ở khu vực hồ Hòa Bình*, Luận án tiến sĩ, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, ĐHQGHN.

Thông tin tác giả:

Hoàng Thị Thu Hương, Khoa Địa lý, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên

Địa chỉ: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Email: huonghoangbg@yahoo.com

Điện thoại: 0912989783

Nguyễn Thị Hồng Vân, Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp HN

Địa chỉ: 298 Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Email: nguyenhongvanch7@gmail.com

Điện thoại: 0919571139

Nhật ký tòa soạn:

Ngày nhận bài: 20/8/2021

Biên tập: 10/2021